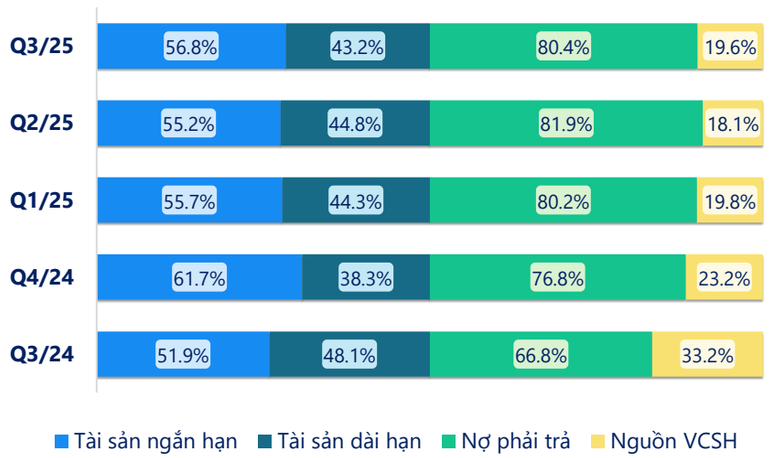
FireAnt

CTCP Đầu tư LDG (HSX: LDG)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	4,890
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,050
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,600
SL cổ phiếu LH	255,615,849
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,391,965
% sở hữu nước ngoài	1.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,250
P/E	-4.3
EPS	-1,131

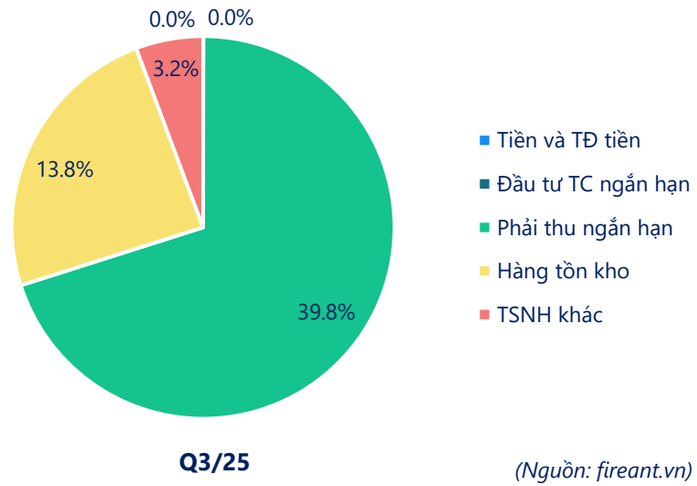
	YTD	1T	3T	6T
LDG	156.0%	-5.8%	40.9%	137.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



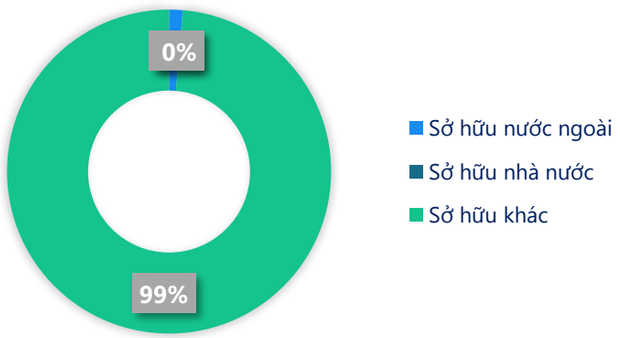
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



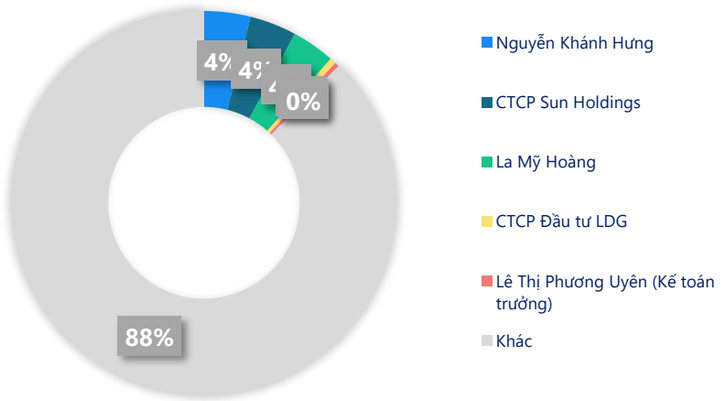
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



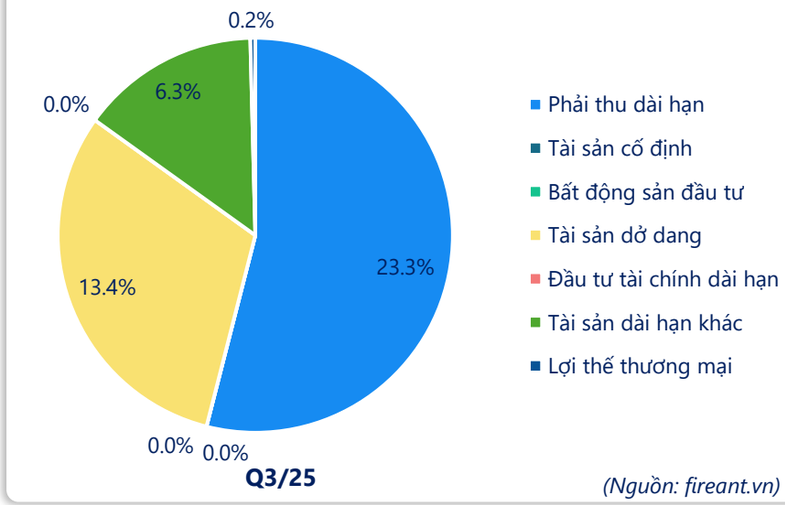
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

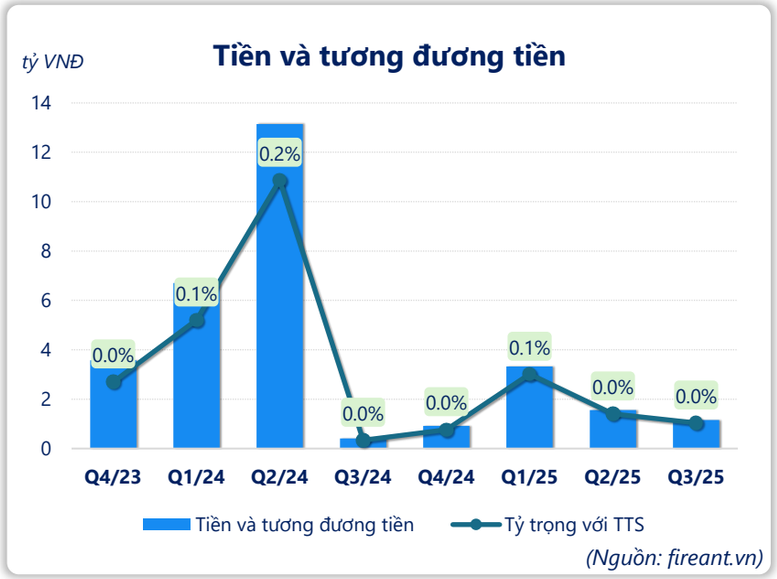
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



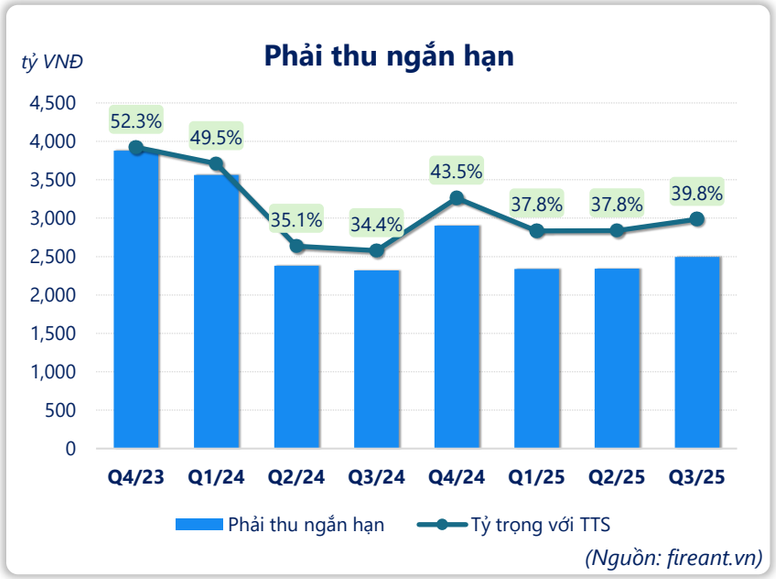
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

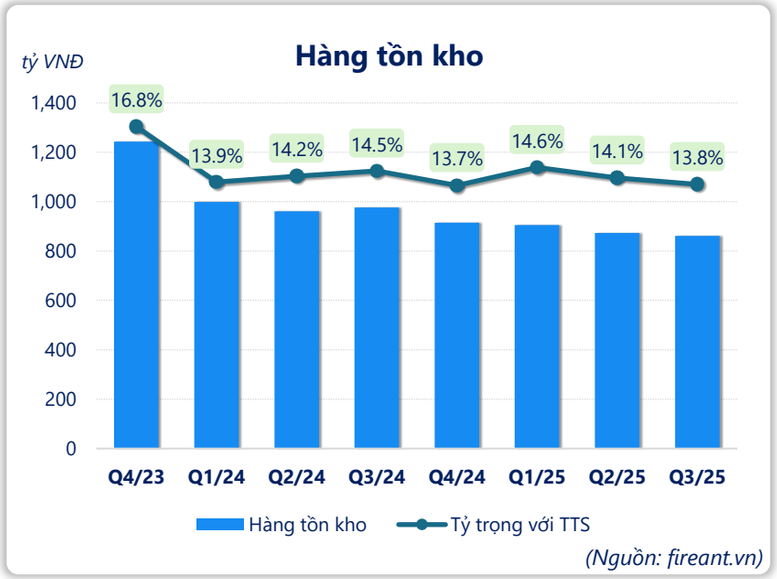
CTCP Đầu tư LDG (HSX: LDG)



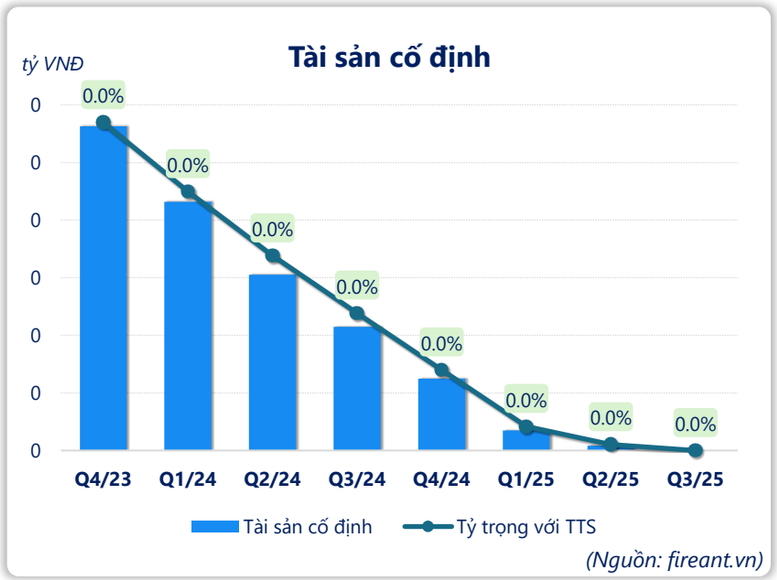
(Nguồn: fireant.vn)



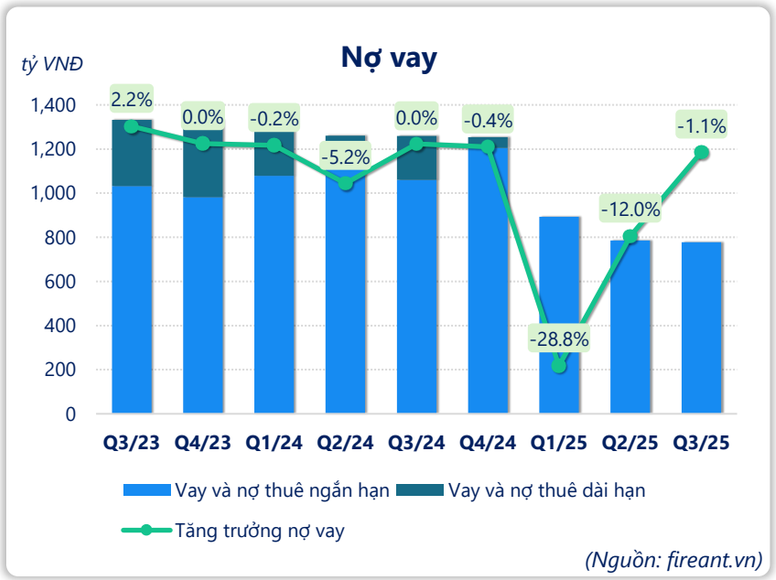
(Nguồn: fireant.vn)



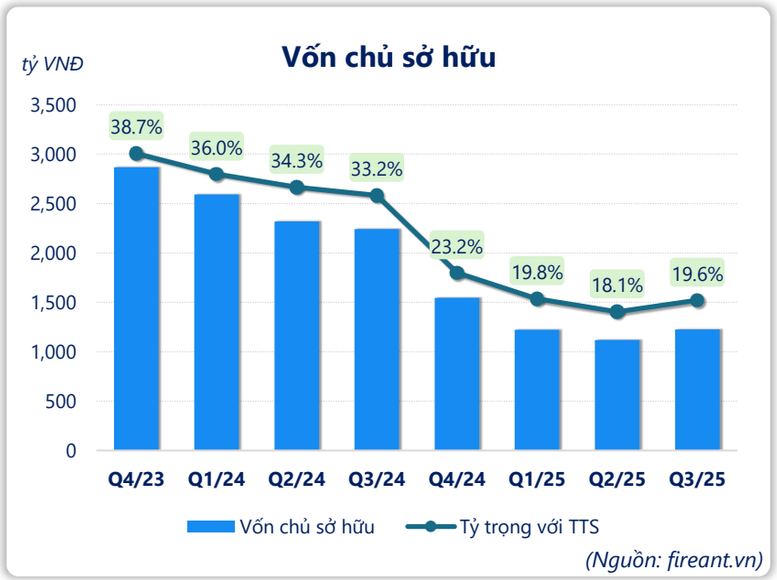
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

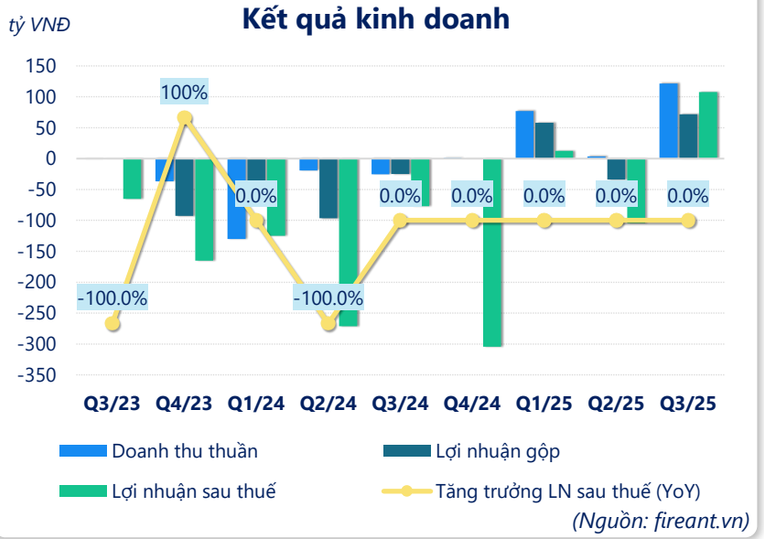


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

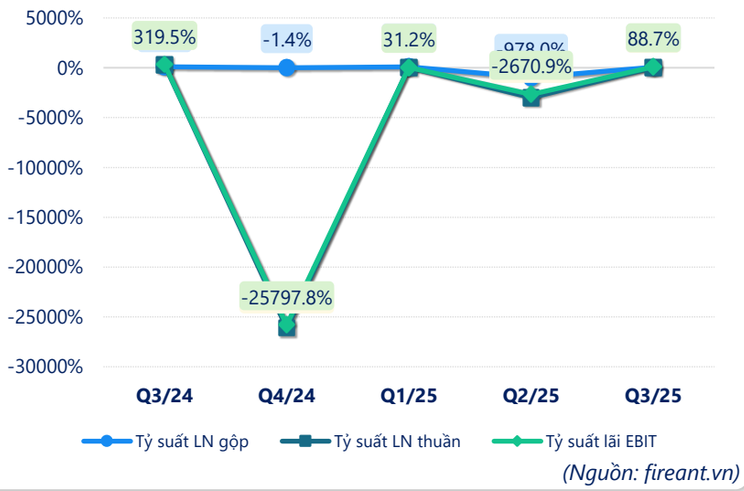
CTCP Đầu tư LDG (HSX: LDG)

Kết quả kinh doanh



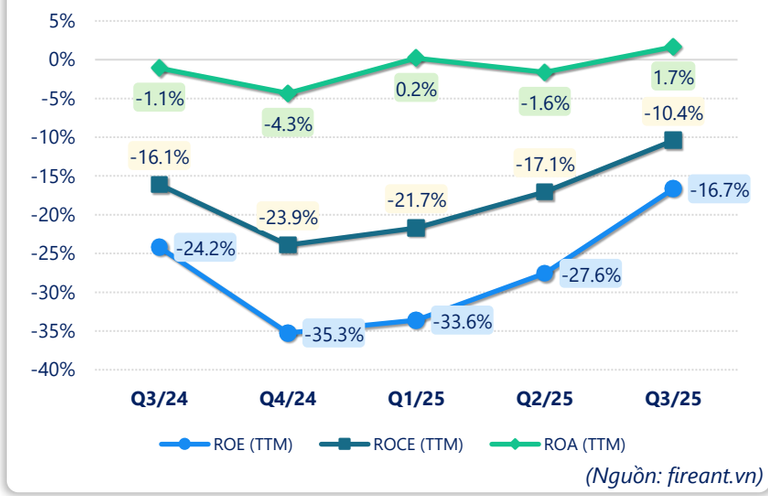
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



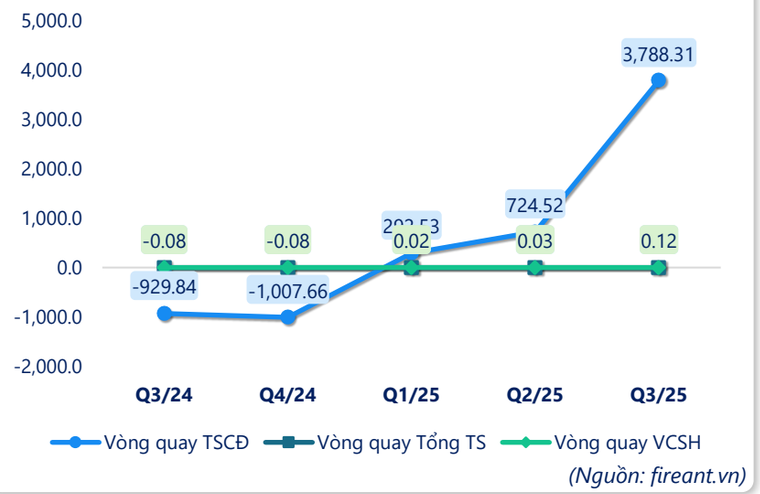
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



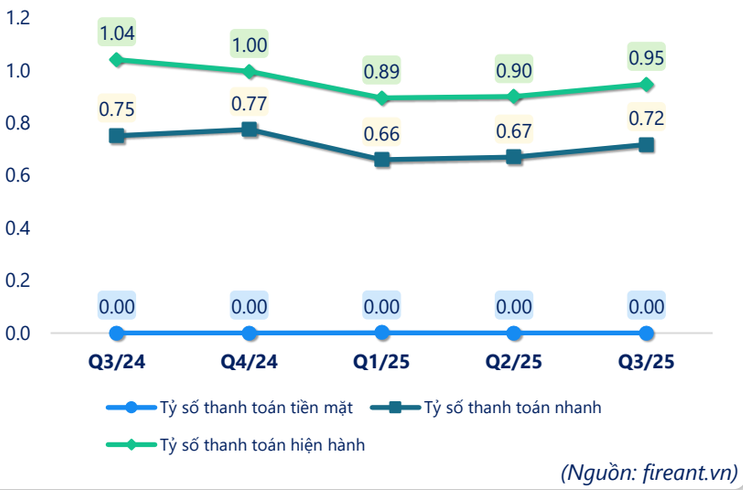
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



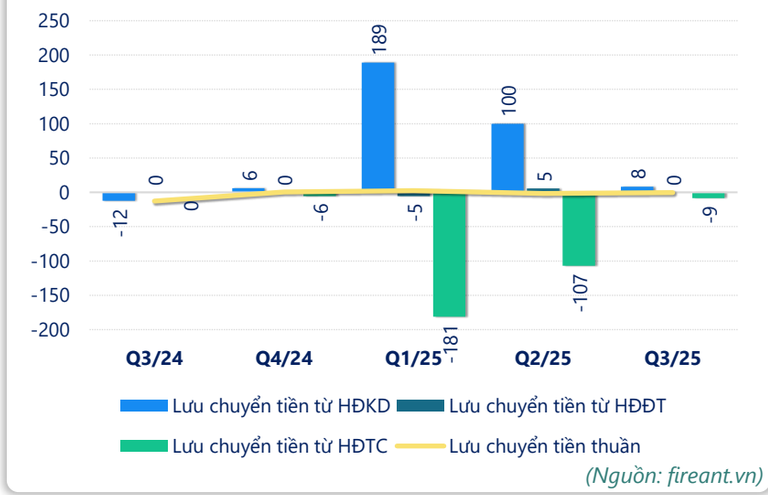
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư LDG (HSX: LDG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**6,267**	**6,157**	**1.8%**
Tài sản ngắn hạn	3,559	3,413	4.3%
Tiền và tương đương tiền	1.16	0.92	26.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	2,494	2,298	8.5%
Hàng tồn kho	862	908	-5.1%
Tài sản ngắn hạn khác	202	206	-1.9%
Tài sản dài hạn	**2,707**	**2,744**	**-1.3%**
Phải thu dài hạn	1,461	1,501	-2.6%
Tài sản cố định	0	0.06	-100%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	838	815	2.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**397**	**411**	**-3.3%**
Lợi thế thương mại	11.0	17.1	-35.6%
Nợ phải trả	5,040	4,946	1.9%
Nợ ngắn hạn	**3,760**	**3,954**	**-4.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	778	1,024	-24.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	152	185	-17.8%
Nợ dài hạn	1,280	992	29.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	50.0	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,227**	**1,211**	**1.3%**
Vốn chủ sở hữu	**1,227**	**1,211**	**1.3%**
Vốn điều lệ	2,570	2,570	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	-25.2	1.34	77.2	3.48	122
Giá vốn hàng bán	-0.39	1.36	19.2	37.5	49.8
Lợi nhuận gộp	-24.8	-0.02	58.0	-34.0	71.8
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	41.1	38.6	36.0	14.6	16.8
Chi phí lãi vay	-1.41	13.9	11.8	11.6	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.33	2.44	1.21	1.55	1.79
Chi phí QLDN	7.65	309	7.63	53.6	7.39
LN thuần từ HĐKD	-74.9	-351	13.2	-104	45.8
Lợi nhuận khác	-4.14	-9.53	-0.88	-0.77	62.1
LN trước thuế	-79.1	-360	12.3	-105	108
Lợi nhuận sau thuế	-77.1	-305	12.3	-105	108
LNST của CĐ cty mẹ	-77.1	-305	12.3	-105	108

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-12.3	6.04	189	99.8	8.24
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	0.00	-5.43	5.43	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.40	-5.54	-181	-107	-8.63
Tiền đầu kỳ	13.1	0.41	0.92	3.33	1.55
Lưu chuyển tiền thuần	**-12.7**	**0.51**	**2.41**	**-1.77**	**-0.39**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.41	0.92	3.33	1.55	1.16

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic